

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 15 – AN GIANG
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 59/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 16/9/2025

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 – AN GIANG, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Chí Bình.
- Các Hội thẩm nhân dân:
 1. Ông Phan Ngọc Quế;
 2. Bà Phạm Thùy Trang.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Huynh, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 15 – An Giang, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 – An Giang, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Huy Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 15 – An Giang (Cơ sở chính) xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 244/2025/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 6 năm 2025 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2025/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đặng Thị Thanh T, sinh năm 1989; địa chỉ: tổ A, ấp C, xã V, thị xã T (nay là xã V), tỉnh An Giang; có mặt.

Bị đơn: Ông Huỳnh Văn H, sinh năm 1985; địa chỉ: tổ A, ấp C, xã V, thị xã T (nay là xã V), tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đặng Thị Thanh T trình bày, qua mai mối và thời gian tìm hiểu, bà T và ông Huỳnh Văn H kết hôn vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, thị xã T (nay là xã V), tỉnh An Giang, vào ngày

14/6/2024. Trong thời gian chung sống, bà T, ông H có sinh hai con chung tên Huỳnh Thị Thảo V, sinh ngày 23/01/2007 và Huỳnh Bảo K, sinh ngày 23/6/2016. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến khoảng năm 2025, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm sống và ông H thường uống rượu say, vô cớ chửi rủa, đánh đập bà T. Mặc dù, đã được bà T khuyên can, tạo cơ hội nhưng ông H không sửa đổi.

Do tình cảm vợ chồng không còn nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông H; không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết đối với việc nuôi dưỡng cháu Huỳnh Thị Thảo V do cháu V đã thành niên, có khả năng lao động nuôi sống bản thân; yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Huỳnh Bảo K, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi dạy con chung; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện: Bản sao trích lục kết hôn số 48/2025/TLKH-BS ngày 22/5/2025 do Ủy ban nhân dân xã V, tỉnh An Giang cấp (đăng ký số 82, ngày 14/6/2024); bản sao Giấy khai sinh số 171/HT ngày 21/4/2022 do Ủy ban nhân dân xã T, thị xã T (nay là Ủy ban nhân dân xã V) cấp đối với Huỳnh Thị Thảo V (đăng ký ngày 12/9/2007) và bản sao Giấy khai sinh số 166 ngày 22/02/2025 do Ủy ban nhân dân xã V cấp đối với Huỳnh Bảo K (đăng ký ngày 04/7/2016).

- Bị đơn ông Huỳnh Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn trình bày ý kiến, yêu cầu như đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và xác định không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân, bà T và ông H kết hôn, có đăng ký kết hôn năm 2024 nên quan hệ hôn nhân giữa bà T, ông H hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm sống và ông H thường uống rượu say, đánh đập bà T. Qua đó cho thấy, cuộc sống hôn nhân giữa bà T và ông H đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà T yêu cầu ly hôn với ông H là có căn cứ.

Về con chung, do cháu V đã thành niên nên đề nghị không đề cập giải quyết. Đối với cháu K, đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà T, giao cháu K cho bà T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, do bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi cháu K nên đề nghị Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, do đương sự không có nên đề nghị không đề cập giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2024; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông H; bà T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K; ông H không phải cấp dưỡng nuôi con; đương sự phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bà Đặng Thị Thanh T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Huỳnh Văn H. Đồng thời, ông H cư trú trên địa bàn xã V. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 15 – An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Huỳnh Văn H đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Bà T và ông H tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào năm 2024 nên quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông H là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Bà T xác định, vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã do bất đồng quan quan điểm sống và ông H thường uống rượu say, vô cớ chửi rủa, đánh đập bà T và bà T, ông H không còn sống chung từ đầu năm 2025 cho đến nay.

Xét thấy, xuất phát từ mâu thuẫn trong thời gian chung sống, bà T và ông H thường xuyên cãi vã và không còn sống chung từ đầu năm 2025 cho đến nay. Vợ chồng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Bên cạnh đó, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cho ông H nhưng ông H không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của bà T. Cho nên, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa bà T, ông H là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không

đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông H theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Bà T xác định trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh 02 con chung tên Huỳnh Thị Thảo V, sinh ngày 23/01/2007 và Huỳnh Bảo K, sinh ngày 23/6/2016. Bà T không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết việc nuôi dưỡng cháu V; yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K.

Xét thấy, cháu V đã thành niên, có khả năng lao động nuôi sống bản thân và bà T không yêu cầu xem xét, giải quyết việc nuôi dưỡng cháu V nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Đối với cháu K, cháu K đang được bà T chăm sóc, nuôi dưỡng, phát triển ổn định. Đồng thời, theo biên bản ghi nhận ý kiến ngày 02/7/2025 do cán bộ Tòa án lập, cháu K có nguyện vọng được sống cùng bà T trong trường hợp bà T, ông H ly hôn. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho con chung, giúp cháu K phát triển tốt về thể chất, tinh thần, Hội đồng xét xử giao cháu K cho bà T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng theo Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, do bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi dưỡng cháu K nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác định không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[2.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Ông H không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 144, 147, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Thanh T.

1. Về hôn nhân: Bà Đặng Thị Thanh T được ly hôn với ông Huỳnh Văn H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 82, ngày 14/6/2024 do Ủy ban nhân dân xã V, tỉnh An Giang cấp cho bà Đặng Thị Thanh T và ông Huỳnh Văn H không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung:

- Do cháu Huỳnh Thị Thảo V đã thành niên, có khả năng lao động nuôi sống bản thân nên không đề cập giải quyết việc nuôi dưỡng cháu Huỳnh Thị

Thảo V.

- Bà Đặng Thị Thanh T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Huỳnh Bảo K, sinh ngày 23/6/2016. Ông Huỳnh Văn H không phải cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

Bà Đặng Thị Thanh T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Huỳnh Văn H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về án phí sơ thẩm:

Bà Đặng Thị Thanh T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013683 do Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 15 - An Giang) cấp ngày 16 tháng 6 năm 2025; bà Đặng Thị Thanh T đã nộp đủ án phí.

Ông Huỳnh Văn H không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

4. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Đặng Thị Thanh T có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của ông Huỳnh Văn H được tính là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 15 – An Giang (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Phòng THADS khu vực 15 – An Giang (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Chí Bình